

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/DS-ST

Ngày: 27-5-2021

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Long Ty

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Hữu Bình;

2. Ông Đinh Quang Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 5 năm 2021 và ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 333/2020/TLST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2020 về việc “tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2021/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần A (A); địa chỉ trụ sở chính: 41 và 45 đường L, phường N, quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện pháp luật: Ông Trịnh Văn T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện ủy quyền của ông Trịnh Văn T: Ông Trần Văn C - Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch T (văn bản ủy quyền số 40/2019/UQ-CT-HĐQT của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần A ngày 04/11/2019). Ông Trần Văn C ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Trần Anh S; địa chỉ: 101/504 Phạm Văn H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai - Chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ (văn bản ủy quyền số 103/2020/UQ.A ngày 10/7/2020).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Trung B, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1961; cùng hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã T, huyện Y, tỉnh Bình Dương.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Trọng E, sinh năm 1986; hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã T, huyện Y, tỉnh Bình Dương.

Đại diện nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa. Người có quyền lợi, E vụ liên quan (ông E) vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 7 năm 2020, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn (ông S) trình bày:*

Ông Phạm Trung B, bà Nguyễn Thị D ký kết Hợp đồng tín dụng số 0071/2017/HĐTD-CN ngày 16/6/2017; Khế ước nhận nợ số 71/2017-A /KUNN-CN ngày 20/6/2017 với Ngân hàng Thương mại cổ phần A (A) - (gọi tắt là Ngân hàng TMCP A “A ”) để vay vốn, chi tiết như sau:

Số tiền vay: 480.000.000 (bốn trăm tám mươi triệu đồng);

Mục đích vay: Mua xe ô tô tải Giải Phóng;

Thời hạn vay: 48 tháng;

Lãi suất vay: 11,1%/năm (trên cơ sở tính 01 năm là 360 ngày), tương đương lãi suất trên cơ sở tính 01 năm 365 ngày là 11,2542%/năm, với công thức quy đổi là $(11,1\%/năm: 360 \text{ ngày}) \times 365 \text{ ngày}$, lãi suất điều chỉnh định kỳ 06 tháng/01 lần theo công thức tính lãi suất như sau:

Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở + Biên độ lãi suất. Trong đó:

Lãi suất cơ sở: (bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng TMCP A (A) công bố tại thời điểm tính là $(360 \text{ ngày/năm}) \times 365 \text{ ngày}$.

Biên độ lãi suất: (tối thiểu 3,7%/năm: 360 ngày) $\times 365 \text{ ngày}$;

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn.

Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng TMCP A (A) đã thực hiện giải ngân số tiền vay nêu trên, hình thức giải ngân rút vốn được Ngân hàng TMCP A (A) thực hiện căn cứ theo chỉ định của ông Phạm Trung B, bà Nguyễn Thị D tại Khế ước nhận nợ số 71/2017-A /KUNN-CN ngày 20/6/2017 mà Ngân hàng TMCP A (A) với ông Phạm Trung B, bà Nguyễn Thị D đã ký kết.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên chính là xe ô tô mà ông Phạm Trung B, bà Nguyễn Thị D vay Ngân hàng TMCP A (A) để mua; cụ thể: Xe ô tô tải Giải Phóng, loại xe FAW, biển kiểm soát 61C-277.99 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 050504 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp cho ông Phạm Trung B ngày 15/06/2017, tài sản bảo đảm đã thế chấp và đăng ký thế chấp theo đúng quy định.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, ông Phạm Trung B, bà Nguyễn Thị D đã vi phạm E vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng tín dụng số 0071/2017/HĐTD-CN ngày 16/6/2017 và Khế ước nhận nợ số 71/2017-A

/KUNN-CN ngày 20/6/2017 đã được ký kết giữa Ngân hàng TMCP A (A) với ông Phạm Trung B, bà Nguyễn Thị D.

Khi phát sinh nợ quá hạn và những vi phạm về E vụ trả nợ của ông Phạm Trung B, bà Nguyễn Thị D, Ngân hàng TMCP A (A) đã nhiều lần yêu cầu thực hiện E vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP A nhưng đến nay ông Phạm Trung B, bà Nguyễn Thị D vẫn không thanh toán nợ vay cho Ngân hàng TMCP A (A) và cố tình che giấu tài sản thế chấp, không hợp tác với Ngân hàng TMCP A (A) trong quá trình xử lý nợ. Như vậy, ông Phạm Trung B, bà Nguyễn Thị D đã vi phạm cam kết, E vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng; Khế ước nhận nợ và các cam kết đã ký kết với Ngân hàng TMCP A (A).

Tổng dư nợ của ông Phạm Trung B, bà Nguyễn Thị D tại Ngân hàng TMCP A (A) phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 0071/2017/HĐTD-CN ngày 16/6/2017 tính đến ngày 21/5/2021 là 678.757.440 đồng (sáu trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn bốn trăm bốn mươi đồng); trong đó: Nợ gốc là 444.069.771 đồng (bốn trăm bốn mươi bốn triệu không trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm bảy mươi một đồng); nợ lãi là 234.687.669 đồng (hai trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn sáu trăm sáu mươi chín đồng); gồm nợ lãi trong hạn là 95.332.889 đồng (chín mươi lăm triệu ba trăm ba mươi hai ngàn tám trăm tám mươi chín đồng); nợ lãi quá hạn là 139.364.780 đồng (một trăm ba mươi chín triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn bảy trăm tám mươi đồng).

Tổng số nợ nêu trên do ông Phạm Trung B, bà Nguyễn Thị D vay tại Ngân hàng TMCP A (A) theo Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã nêu. Khoản vay này do ông Phạm Trung B, bà Nguyễn Thị D vay Ngân hàng TMCP A (A) không liên quan đến ông Phạm Trọng E.

Xét thấy, khoản nợ đã quá hạn rất nhiều ngày với số tiền lớn nhưng ông Phạm Trung B, bà Nguyễn Thị D vẫn không có ý định trả nợ, né tránh E vụ trả nợ, không bàn giao tài sản thế chấp để xử lý nợ, không phối hợp với Ngân hàng TMCP A (A) trong việc xử lý nợ theo quy định pháp luật. Vì vậy, Ngân hàng TMCP A (A) khởi kiện ông Phạm Trung B, bà Nguyễn Thị D và đề nghị Tòa án xem xét giải quyết các yêu cầu sau:

Buộc ông Phạm Trung B, bà Nguyễn Thị D thanh toán cho Ngân hàng TMCP A (A) tổng số nợ của Hợp đồng tín dụng số 0071/2017/HĐTD-CN ngày 16/6/2017 tính đến ngày 21/5/2021 là 678.757.440 đồng (sáu trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn bốn trăm bốn mươi đồng); trong đó: Nợ gốc là 444.069.771 đồng (bốn trăm bốn mươi bốn triệu không trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm bảy mươi một đồng); nợ lãi là 234.687.669 đồng (hai trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn sáu trăm sáu mươi chín đồng) và tiền lãi, phí phát sinh tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/5/2021 đối với Hợp đồng tín dụng 0071/2017/HĐTD-CN 16/6/2017 đã ký kết cho đến khi ông Phạm Trung B, bà Nguyễn Thị D hoàn thành E vụ trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP A (A).

Trường hợp ông Phạm Trung B, bà Nguyễn Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ E vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP A (A) được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tổ chức thi hành án đối với ông Phạm Trung B, bà Nguyễn Thị D theo quy định pháp luật. Ngoài ra, ông S không có ý kiến gì khác.

** Theo bản tự khai ngày 06 tháng 12 năm 2020 của bị đơn (ông Phạm Trung B) và tại phiên tòa (ông B) trình bày:*

Ông Kiên, bà Nguyễn Thị D là vợ chồng, ông B thừa nhận lời trình bày của đại diện Ngân hàng về việc vợ chồng ông có ký với Ngân hàng TMCP A (A) Hợp đồng tín dụng số 0071/2017/HĐTD-CN ngày 16/6/2017 và Khế ước nhận nợ số 71/2017-A /KUNN-CN ngày 20/6/2017 để vay số tiền 480.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi triệu đồng); thời hạn vay 48 tháng; về lãi suất ông B thống nhất với lãi suất mà Ngân hàng áp dụng trong Hợp đồng tín dụng số 0071/2017/HĐTD-CN ngày 16/6/2017; mục đích vay để mua xe ô tô Giải Phóng là đúng. Tuy nhiên, khi ký kết Hợp đồng tín dụng thì Ngân hàng đưa ra rất nhiều văn bản và yêu cầu vợ chồng ông ký. Vợ chồng ông chỉ ký chứ không kịp xem nội dung vợ chồng ông ký là giấy tờ gì. Đồng thời, vụ việc này ông cho rằng đã được Tòa án nhân dân ở tỉnh Đồng Nai giải quyết xong (nhưng ông không nhớ Tòa án nào giải quyết và giải quyết vào năm nào), kết quả giải quyết của Tòa án ở Đồng Nai cho rằng vợ chồng ông không có E vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP A (A) mà con ông là Phạm Trọng E phải có E vụ trả nợ số tiền đã vay cho Ngân hàng TMCP A (A). Đến Khi Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tổng đạt thông báo về việc thụ lý số 333/TB-TLVA ngày 31/7/2020 để thông báo cho vợ, chồng ông biết Ngân hàng TMCP A (A) khởi kiện vợ chồng. Mặc khác, ông B cho rằng vợ chồng ông không nhận tiền của Ngân hàng cũng như không được nhận xe, tất cả tiền và xe điều do con ông là Phạm Trọng E đứng ra nhận và giao dịch. Vì vậy, ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A (A) về việc yêu cầu vợ chồng ông trả khoản vay còn nợ của Ngân hàng TMCP A (A) mà ông E con ông phải có trách nhiệm trả khoản tiền vay của Ngân hàng TMCP A (A) mới đúng. Ngoài ra, ông B không có ý kiến gì khác.

** Theo bản tự khai ngày 06 tháng 12 năm 2020 của bị đơn (bà Nguyễn Thị D) và tại phiên tòa (bà D) trình bày:*

Bà D và ông Phạm Trung B là vợ chồng, bà D thống nhất với lời trình bày của ông Kiên. Bà D cho rằng con bà là ông Phạm Trọng E phải có trách nhiệm trả tiền vay cho Ngân hàng TMCP A (A) số tiền còn nợ, vợ chồng bà không biết. Ngoài ra, bà D không có ý kiến gì khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông Phạm Trọng E):*

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để người có quyền lợi, E vụ liên quan (ông E) tham gia giải quyết vụ án nhưng ông

E cố tình vắng mặt không có lý do. Tòa án không thu thập được ý kiến của ông E.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý và giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đại diện nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và E vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người có quyền lợi, E vụ liên quan (ông E) trong quá trình tiến hành tố tụng Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để ông E thực hiện các quyền và E vụ của ông E khi tham gia giải quyết vụ án nhưng ông E vắng mặt không có lý do theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị xét xử vắng mặt người có quyền lợi, E vụ liên quan.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Quan hệ pháp luật của vụ án là “tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn. Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền số tiền còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng số 0071/2017/HĐTD-CN ngày 16/6/2017 tính đến ngày 21/5/2021 là 678.757.440 đồng (sáu trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn bốn trăm bốn mươi đồng); trong đó: Nợ gốc là 444.069.771 đồng (bốn trăm bốn mươi bốn triệu không trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm bảy mươi một đồng); nợ lãi là 234.687.669 đồng (hai trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn sáu trăm sáu mươi chín đồng); gồm nợ lãi trong hạn là 95.332.889 đồng (chín mươi lăm triệu ba trăm ba mươi hai ngàn tám trăm tám mươi chín đồng); nợ lãi quá hạn là 139.364.780 đồng (một trăm ba mươi chín triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn bảy trăm tám mươi đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố Tụng dân sự. Bị đơn (ông B, bà D) và người có quyền lợi, E vụ liên quan (ông E) hiện đang cư trú tại ấp C, xã T, huyện Y, tỉnh Bình Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Ngày 16/6/2017, nguyên đơn và bị đơn ký kết Hợp đồng tín dụng số: 0071/2017/HĐTD-CN, ngày 16/6/2017 và Khế ước nhận nợ số 71/2017-A /KUNN-CN, ngày 20/6/2017 đối với số tiền vay 480.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi triệu đồng); mục đích vay của bị đơn để mua xe ô tô hiệu Giải Phóng; thời hạn vay 48 tháng. Sau khi Hợp đồng được ký kết, nguyên đơn đã giải ngân cho bị đơn số tiền vay 480.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi triệu đồng). Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên bị đơn có đăng ký thế chấp xe ô tô tải Giải Phóng, loại xe FAW, biển kiểm soát 61C-277.99 theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 050504 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp cho bị đơn ông Phạm Trung B ngày 15/06/2017. Tuy nhiên, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm bị đơn trả cho nguyên đơn được số tiền vay gốc là 35.930.229 đồng (ba mươi lăm triệu chín trăm ba mươi ngàn hai trăm hai mươi chín đồng) trong tổng số tiền vay 480.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi triệu đồng) còn nợ lại nguyên đơn số tiền 444.069.771 đồng (bốn trăm bốn mươi bốn triệu không trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm bảy mươi một đồng) và tiền lãi đến nay chưa thanh toán.

Nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh là Hợp đồng tín dụng số: 0071/2017/HĐTD-CN, ngày 16/6/2017 và Khế ước nhận nợ số 71/2017-A /KUNN-CN, ngày 20/6/2017 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn. Đồng thời, bị đơn cũng thừa nhận chữ ký tên và chữ viết họ, tên của bị đơn trong Hợp đồng tín dụng số: 0071/2017/HĐTD-CN, ngày 16/6/2017 và Khế ước nhận nợ số 71/2017-A /KUNN-CN, ngày 20/6/2017 là do bị đơn (ông A, bà B) ký và viết. Vì vậy, đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. minh.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy: Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Hợp đồng tín dụng số: 0071/2017/HĐTD-CN, ngày 16/6/2017 và Khế ước nhận nợ số 71/2017-A /KUNN-CN, ngày 20/6/2017 được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn thể hiện bị đơn có vay của nguyên đơn số tiền 480.000.000 đồng (bốn trăm tám mươi triệu đồng); mục đích vay: Mua xe ô tô tải Giải Phóng; thời hạn vay: 48 tháng; lãi suất vay: 11,1%/năm (trên cơ sở tính 01 năm là 360 ngày), tương đương lãi suất trên cơ sở tính 01 năm 365 ngày là 11,2542%/năm với công thức quy đổi là $(11,1\%/năm/360 \text{ ngày}) \times 365 \text{ ngày}$; lãi suất điều chỉnh định kỳ 06 tháng/01 lần theo công thức tính lãi suất như sau: Lãi suất cho vay (điều chỉnh) = Lãi suất cơ sở + Biên độ lãi suất. Trong đó: Lãi suất cơ sở: (bằng lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng TMCP A (A) công bố tại thời điểm tính là $(360 \text{ ngày}/năm) \times 365 \text{ ngày}$. Biên độ lãi suất: (tối thiểu 3,7%/năm/360 ngày) $\times 365 \text{ ngày}$; lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất vay trong hạn. Đến nay, đã quá thời hạn thanh toán tiền vay còn nợ và lãi suất cho nguyên đơn nhưng bị đơn không thanh toán. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền vay còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0071/2017/HĐTD-CN ngày 16/6/2017 tính đến ngày 21/5/2021 là 678.757.440 đồng (sáu trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn bốn trăm bốn mươi đồng); trong đó: Nợ gốc là 444.069.771 đồng (bốn trăm bốn mươi bốn triệu không trăm sáu mươi chín ngàn bảy trăm bảy mươi một đồng); nợ lãi là 234.687.669 đồng (hai trăm ba

mười bốn triệu sáu trăm tám mươi bảy ngàn sáu trăm sáu mươi chín đồng); gồm nợ lãi trong hạn là 95.332.889 đồng (chín mươi lăm triệu ba trăm ba mươi hai ngàn tám trăm tám mươi chín đồng); nợ lãi quá hạn là 139.364.780 đồng (một trăm ba mươi chín triệu ba trăm sáu mươi bốn ngàn bảy trăm tám mươi đồng) và yêu cầu tính lãi ngày tiếp theo kể từ ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/5/2021 đối với Hợp đồng tín dụng số 0071/2017/HĐTD-CN ngày 16/6/2017 cho đến khi bị đơn thi hành án xong là phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, có cơ sở khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp là có giá trị chứng minh.

Tại bản tự khai ngày 06/12/2020 của bị đơn và tại phiên tòa, bị đơn (ông A, bà D) thừa nhận có ký Hợp đồng tín dụng số: 0071/2017/HĐTD-CN, ngày 16/6/2017 và Khế ước nhận nợ số 71/2017-A /KU'NN-CN, ngày 20/6/2017 với nguyên đơn. Tuy nhiên, bị đơn cho rằng việc ký kết Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên với nguyên đơn là chỉ có ký tên còn tất cả những thủ tục, giấy tờ nguyên đơn cung cấp và yêu cầu bị đơn ký, bị đơn không xác định được là ký bao nhiêu loại giấy tờ cũng như bị đơn không nhận được một khoản tiền vay nào và cũng không nhận xe ô tô tải Giải Phóng như đại diện nguyên đơn trình bày. Mọi giao dịch điều do con của bị đơn là ông Phạm Trọng E đứng ra giao dịch với nguyên đơn, bị đơn chỉ ký tên còn tiền vay và xe thì ông E nhận nên ông E phải có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa, bị đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của bị đơn về việc bị đơn cho rằng vụ kiện này đã được một Tòa án ở tỉnh Đồng Nai giải quyết xong để chứng minh cho bị đơn về việc bị đơn không có trách nhiệm đối với khoản nợ vay của nguyên đơn, bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh việc bị đơn bị lừa dối khi ký Hợp đồng tín dụng số: 0071/2017/HĐTD-CN, ngày 16/6/2017 và Khế ước nhận nợ số 71/2017-A /KU'NN-CN, ngày 20/6/2017 với nguyên đơn, bị đơn cũng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh cho lời trình bày của bị đơn về việc không nhận xe ô tô Giải Phóng. Hội đồng xét xử xét thấy chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện ngày 15/6/2017 bị đơn (ông B) được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 050504, xe ô tô tải Giải Phóng, loại xe FAW, biển kiểm soát 61C-277.99. Đồng thời, ngày 16/6/2017, bị đơn có đơn yêu cầu đăng ký giao dịch bảo đảm hợp đồng, thông báo việc kê biên đối với chiếc xe ô tô tải Giải Phóng nêu trên có chữ ký của bị đơn, bị đơn cũng đã thừa nhận chữ ký tên là của bị đơn. Do đó, việc bị đơn trình bày không nhận xe là không có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy Hợp đồng tín dụng số: 0071/2017/HĐTD-CN, ngày 16/6/2017 bị đơn ký kết với nguyên đơn chỉ có bị đơn ký, người có quyền lợi, E vụ liên quan ông E không tham gia ký vào Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên nên trách nhiệm thanh toán nợ cho nguyên đơn là của bị đơn, ông E không có quyền lợi, E vụ gì đối với Hợp đồng tín dụng số: 0071/2017/HĐTD-CN, ngày 16/6/2017 và Khế ước nhận nợ số 71/2017-A /KU'NN-CN, ngày 20/6/2017 mà bị đơn ký kết với nguyên đơn. Do đó, không có cơ sở chấp nhận toàn bộ ý kiến trình bày của bị đơn. Buộc bị đơn có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn (ông B, bà D) phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 3 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117, Điều 118, Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “tranh chấp hợp đồng tín dụng” của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần A (A) đối với bị đơn ông Phạm Trung B, bà Nguyễn Thị D.

Buộc ông Phạm Trung B, bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A (A) số tiền 678.757.440 đồng (sáu trăm bảy mươi tám triệu bảy trăm năm mươi bảy ngàn bốn trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 21/5/2021 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng số 0071/2017/HĐTD-CN ngày 16/6/2017 của Ngân hàng Thương mại cổ phần A (A).

2/ Trường hợp ông Phạm Trung B, bà Nguyễn Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ E vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số 0071/2017/HĐTD-CN ngày 16/6/2017 của Ngân hàng Thương mại cổ phần A (A), thì Ngân hàng Thương mại cổ phần A (A) được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tổ chức thi hành án đối với ông Phạm Trung B, bà Nguyễn Thị D theo quy định pháp luật.

3/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phạm Trung B, bà Nguyễn Thị D phải nộp số tiền 31.150.298 đồng (ba mươi một triệu một trăm năm mươi ngàn hai trăm chín mươi tám đồng).

- Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A (A) số tiền 18.370.030 đồng (mười tám triệu ba trăm bảy mươi ngàn không trăm ba mươi đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0033151 ngày 31 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/5/2021).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Long Ty

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trương Hữu Bình

Đinh Quang Minh

Lê Long Ty